



BÀI TIỂU LUẬN

Sinh viên: Bạch Tuấn Anh

MSSV: GCH18768

Table of Contents

PHẦN MỞ ĐẦU	2
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI	2
2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	2
3. PHẠM VI NGHIÊN CỨU	2
4. ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI	2
5. KẾT CẤU	2
PHẦN NỘI DUNG.....	3
I. KHÁI NIỆM QUY PHẠM PHÁP LUẬT.....	3
II. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT	4
<i>a. Giả định của quy phạm pháp luật</i>	<i>5</i>
<i>b. Quy định của quy phạm pháp luật</i>	<i>5</i>
<i>c. Chế tài của quy phạm pháp luật</i>	<i>6</i>
III. VÍ DỤ	7
IV. KẾT LUẬN	7
TÀI LIỆU THAM KHẢO	9

Phần Mở Đầu

1. Lý do chọn đề tài

Một trong những thuộc tính cơ bản và quan trọng của pháp luật là tính quy phạm phổ biến, vì pháp luật chủ yếu được tạo thành từ các quy phạm pháp luật. Quy phạm pháp luật vừa có bản chất là quy phạm pháp luật, vừa có những đặc điểm cụ thể liên quan đến hình thức và nội dung của nó. Nghiên cứu lý luận về quy phạm pháp luật có ý nghĩa to lớn không chỉ về mặt lý luận nhận thức mà còn rất thiết thực đối với thực tiễn pháp luật như xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật đã được thông qua cơ thể, khoa học. Ngoài ra, còn góp phần nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân, rèn luyện kỹ năng sống và làm việc theo pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Vì vậy, các quy định của pháp luật cần được nghiên cứu cụ thể.

2. Phương pháp nghiên cứu

Tìm kiếm tài liệu, nghiên cứu và phân tích tài liệu là các phương pháp mà em đã sử dụng để nghiên cứu đề tài về "Quy phạm pháp luật".

3. Phạm vi nghiên cứu

Đưa ra định nghĩa và giải thích quy phạm pháp luật là gì. Sau đó phân tích các khía cạnh của quy phạm pháp luật. Cuối cùng là đưa ra các ví dụ về quy phạm pháp luật.

4. Đóng góp của đề tài

Thông qua đề tài giúp chúng ta có thể hiểu được quy phạm pháp luật là gì và các vấn đề quan trọng của quy phạm pháp luật.

5. Kết cấu

Bài được chia 4 chương. Chương 1 nêu khái niệm của quy phạm pháp luật. Chương 2 là cấu trúc của quy phạm pháp luật. Chương 3 là đưa ra các ví dụ về quy phạm pháp luật. Chương 4 là đưa ra kết luận.

Phần Nội Dung

I. Khái niệm quy phạm pháp luật

Quy phạm pháp luật là một loại quy phạm xã hội, vì vậy cũng như các quy phạm xã hội khác nó là quy tắc xử sự của con người. Quy phạm pháp luật luôn là khuôn mẫu cho hành vi của con người, nó chỉ dẫn cho con người cách xử sự (được làm gì, không được làm gì, hoặc phải làm gì, làm như thế nào) trong những hoàn cảnh, điều kiện nhất định. Điều này cũng có nghĩa là quy phạm pháp luật đã chỉ ra cách xử sự và xác định các phạm vi xử sự của con người, cũng như những hậu quả bất lợi gì nếu như không thực hiện đúng hoặc vi phạm chúng.

Quy phạm pháp luật được ban hành không phải cho một tổ chức hay cá nhân cụ thể mà cho tất cả các tổ chức và cá nhân tham gia quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh. Mọi tổ chức, cá nhân ở vào những hoàn cảnh, điều kiện mà quy phạm pháp luật đã quy định đều phải thực hiện hành vi thống nhất như nhau. Tính chất chung của quy phạm pháp luật còn thể hiện ở chỗ nó được đặt ra không phải chỉ để điều chỉnh một quan hệ xã hội cụ thể mà để điều chỉnh một quan hệ xã hội chung, nghĩa là, từng quan hệ xã hội cụ thể bên cạnh những điểm chung thì cũng có rất nhiều những điểm riêng biệt, nhưng quy phạm pháp luật đã thống nhất tất cả chúng lại và thiết lập ra quy tắc xử sự có tính chất chung cho tất cả những chủ thể tham gia quan hệ xã hội chung đó. Chẳng hạn, giữa những người mua và những người bán khác nhau có thể thiết lập nên rất nhiều những quan hệ mua bán cụ thể với những đặc điểm riêng của từng mối quan hệ, song tất cả

những quan hệ giữa người mua và người bán đều phải tuân theo các quy tắc có tính chất chung đã được quy định trong pháp luật dân sự.

Quy phạm pháp luật là kết quả hoạt động có lí chí và ý chí của con người. Quy phạm pháp luật không hình thành một cách tự nhiên mà nó phụ thuộc vào ý chí nhà nước, ý chí của những người tạo ra nó.

Quy phạm pháp luật có thể tác động rất nhiều lần và trong thời gian tương đối dài cho đến khi nó bị thay đổi, hoặc bị mất hiệu lực. Nó được sử dụng ững tất cả mọi trường hợp khi xuất hiện những hoàn cảnh, điều kiện đã được dự liệu.

II. Cấu trúc của quy phạm pháp luật

Về nguyên tắc, mỗi quy phạm pháp luật có ba bộ phận là giả định, quy định và chế tài. Trong đó:

- Giả định là phần xác định chủ thể tham gia quan hệ pháp luật và những hoàn cảnh, điều kiện mà chủ thể gặp phải trong thực tiễn
- Quy định là phần xác định chủ thể phải làm gì khi gặp phải hoàn cảnh, điều kiện đã nêu trong phần giả định (được một quyền, phải làm một nghĩa vụ, phải tránh các xử sự bị cấm)
- Chế tài là phần nêu rõ biện pháp, hình thức xử lí của nhà nước đối với người đã xử sự không đúng với quy định, hậu quả mà người đó phải gánh chịu. Tuy nhiên, trong thực tiễn xây dựng pháp luật, phần lớn các quy phạm pháp luật được xây dựng từ hai bộ phận là giả định - quy định hoặc giả định - chế tài. Trừ một số quy phạm pháp luật đặc biệt như quy phạm định nghĩa, quy phạm xác định nguyên tắc, còn hầu hết các quy phạm pháp luật # đều phải có phần giả định. Bởi nếu không có phần giả định thì không thể xác định được quy phạm pháp luật này áp dụng cho ai, trong trường hợp nào hoặc với điều kiện nào. Các quy phạm pháp luật hiến pháp thông thường chỉ có phần giả định và quy định, còn các quy phạm pháp luật phần riêng của Bộ luật hình sự thường chỉ có phần giả định và chế tài.

Quy phạm pháp luật là đơn vị cấu trúc nhỏ nhất của hệ thống pháp luật.

Quy phạm xung đột thống nhất là quy phạm pháp luật có trong các điều ước quốc tế do các bên kết ước xây dựng nên.

Quy phạm xung đột thông thường là quy phạm pháp luật có trong các đạo luật trong nước (do mỗi quốc gia tự ban hành).

a. Giả định của quy phạm pháp luật

Giả định là bộ phận của quy phạm pháp luật nêu lên những tình huống (hoàn cảnh, điều kiện) có thể xảy ra trong đời sống xã hội mà quy phạm pháp luật sẽ tác động đối với những chủ thể (tổ chức, cá nhân) nhất định, nói cách khác giả định nêu lên phạm vi tác động của quy phạm pháp luật đối với cá nhân hay tổ chức nào, trong những hoàn cảnh, điều kiện nào. Ví dụ pháp luật quy định: Tổ chức, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp vào sản xuất nông nghiệp thì phải nộp thuế nông nghiệp. Bộ phận giả định của quy phạm pháp luật này là: Tổ chức, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp vào sản xuất nông nghiệp.

Giả định là bộ phận không thể thiếu của quy phạm pháp luật, bởi chỉ thông qua bộ phận giả định của quy phạm pháp luật mới biết được tổ chức, cá nhân nào, khi ở vào những hoàn cảnh, điều kiện nào, thì chịu sự tác động của quy phạm pháp luật đó.

b. Quy định của quy phạm pháp luật

Quy định là bộ phận của quy phạm pháp luật nêu lên những cách xử sự mà các chủ thể được, không được hoặc buộc phải thực hiện khi gặp phải tình huống đã nêu ở bộ phận giả định của quy phạm pháp luật. Nói cách khác, là khi xảy ra những hoàn cảnh, điều kiện đã nêu ở bộ phận giả định của quy phạm pháp luật thì nhà nước đưa ra những chỉ dẫn có tính chất mệnh lệnh (các cách xử sự) để các chủ thể thực hiện. Ví dụ pháp luật quy định: Tổ chức, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp vào sản xuất nông nghiệp thì phải nộp thuế nông nghiệp. Bộ phận quy định của quy phạm pháp luật này là: Thì phải nộp thuế nông nghiệp.

Bộ phận quy định của quy phạm pháp luật được coi là phần cốt lõi của quy phạm pháp luật, nó thể hiện ý chí của nhà nước đối với các tổ chức hay cá nhân khi xảy ra những tình huống đã được nêu trong bộ phận giả định của quy phạm pháp luật. Bộ phận quy định của quy phạm pháp luật thường được nêu ở dạng mệnh lệnh như: cấm, không được, phải, thì, được, có... Bộ phận quy định của quy phạm pháp luật có tác dụng đưa ra những cách xử sự để các chủ thể thực hiện sao cho phù hợp với ý chí của nhà nước, nói cách khác, thông qua bộ phận quy định của quy phạm pháp luật, các chủ thể pháp luật mới biết được là nếu họ ở vào những tình huống đã nêu trong

giả định của quy phạm pháp luật thì họ phải làm gì, được hoặc không được làm gì, làm như thế nào. Vì vậy, mức độ chính xác, chặt chẽ, rõ ràng của các mệnh lệnh, chỉ dẫn được nêu trong bộ phận quy định của quy phạm pháp luật là một trong những điều kiện để bảo đảm cho pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh.

Những mệnh lệnh, chỉ dẫn của nhà nước được nêu trong bộ phận quy định của quy phạm pháp luật đối với các chủ thể có thể là:

- Những cách xử sự (hành vi) mà chủ thể được phép thực hiện;
- Những cách xử sự (hành vi) mà chủ thể không được phép thực hiện;
- Những cách xử sự (hành vi) mà chủ thể buộc phải thực hiện, thậm chí là phải thực hiện chúng như thế nào.

Như vậy, bộ phận quy định của quy phạm pháp luật thường chỉ ra các quyền mà các chủ thể được hưởng hoặc các nghĩa vụ pháp lí mà họ phải thực hiện, mặc dù không phải khi nào thuật ngữ quyền và nghĩa vụ cũng được trực tiếp thể hiện trong lời văn của quy phạm.

Những mệnh lệnh, chỉ dẫn của nhà nước trong bộ phận quy định của quy phạm pháp luật có thể chỉ nêu một cách xử sự và các chủ thể buộc phải thực hiện mà không có sự lựa chọn. Hoặc có thể nêu ra hai hoặc nhiều cách xử sự và cho phép chủ thể có thể lựa chọn cho mình cách xử sự thích hợp từ những cách đã nêu. Trong một số trường hợp khác nhà nước còn cho phép các chủ thể có thể tự thoả thuận trong việc xác định quyền và nghĩa vụ của nhau, đồng thời cũng nêu ra cách xử sự buộc các chủ thể phải tuân theo ững trường hợp không thể thoả thuận được với nhau.

c. Chế tài của quy phạm pháp luật

Chế tài là bộ phận của quy phạm pháp luật quy định các biện pháp cưỡng chế mang tính chất trừng phạt mà nhà nước dự kiến có thể áp dụng đối với các chủ thể vi phạm pháp luật, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ những mệnh lệnh đã được nêu trong bộ phận quy định của quy phạm pháp luật. Ví dụ pháp luật quy định: Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học, thì bị phạt cảnh cáo và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại. Bộ phận chế tài của quy phạm pháp luật này là: Bị phạt cảnh cáo và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại.

Chế tài là một trong những biện pháp quan trọng để đảm bảo cho các quy định (những đòi hỏi, yêu cầu) của pháp luật được thực hiện nghiêm minh. Do vậy, nếu các biện pháp trong chế tài được quy định không phù hợp (chẳng hạn quá nặng hoặc quá nhẹ...) thì tác dụng răn đe, trừng phạt của chúng sẽ có thể kém hiệu quả.

Bộ phận chế tài của quy phạm pháp luật thường trả lời cho câu hỏi: Các chủ thể có thẩm quyền có thể áp dụng những biện pháp cưỡng chế nào đối với các chủ thể đã vi phạm pháp luật, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ những mệnh lệnh được nêu trong bộ phận quy định của quy phạm pháp luật. Còn đối với các chủ thể được nêu ở bộ phận giả định của quy phạm pháp luật thì được gián tiếp thông báo hoặc cảnh báo cho họ biết là nếu như họ ở vào những tình huống như đã nêu ở bộ phận giả định của quy phạm pháp luật thì họ phải chịu những hậu quả bất lợi, bị trừng phạt bằng những biện pháp gì.

Các biện pháp cưỡng chế mà nhà nước nêu ra trong bộ phận chế tài của quy phạm pháp luật để áp dụng rất đa dạng, đó có thể là các biện pháp như phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt tù... Thông thường, chế tài các quy phạm pháp luật được chia thành các nhóm như: Chế tài hình sự; chế tài hành chính; chế tài kỉ luật; chế tài dân sự...

III. Ví dụ

Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị đe dọa, cưỡng ép thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu.

- **Giả định:** “Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị đe dọa, cưỡng ép”
Giả định trong trường hợp này đã nêu lên tình huống, hoàn cảnh chịu sự điều chỉnh của quy phạm này đó là khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị đe dọa.
- **Quy định:** “quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu”. Quy định trong trường hợp này nêu lên cách thức xử sự của đối tượng được nêu ở phần giả định.
- **Chế tài:** không có

IV. Kết Luận

Quy phạm pháp luật là một hiện tượng pháp lí có tính độc lập tương đối không chỉ ở nội dung, hình thức thể hiện mà còn ở cấu trúc của nó nữa. cấu trúc của quy phạm pháp luật chính là những yếu tố thành

phần tạo nên quy phạm pháp luật. Để tồn tại và phát triển con người buộc phải liên kết với nhau thành những cộng đồng. Tính cộng đồng của đời sống loài người xuất hiện nhu cầu cần phải phối hợp, quy tụ hoạt động của những cá nhân riêng rẽ theo những hướng nhất định, để đạt được những mục đích nhất định, nghĩa là, nhu cầu điều chỉnh những mối liên hệ giữa con người với con người

Tài Liệu Tham Khảo

<https://luatminhkhue.vn/co-cau-cua-quy-pham-phap-luat-trong-van-ban-quy-pham-phap-luat--.aspx>

<https://luatminhkhue.vn/co-cau-cua-quy-pham-phap-luat-trong-van-ban-quy-pham-phap-luat--.aspx>